

Quan điểm xã hội về hôn nhân đồng tính ở Việt Nam hiện nay

Bùi Thị Hồng^(*)

Nguyễn Thị Thu Nguyệt^(**)

Tóm tắt: Hôn nhân đồng tính là chủ đề gây nhiều tranh cãi tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tính đến đầu năm 2023, đã có 34 quốc gia trên thế giới công nhận hôn nhân đồng tính, sớm nhất là Hà Lan (năm 2001) và gần đây nhất là Andorra (tháng 2/2023) (Theo: Song Kiều, 2023). Bên cạnh những nước bày tỏ quan điểm ủng hộ hôn nhân đồng tính, vẫn còn nhiều nước giữ quan điểm trung lập và nhiều nước lên án, phản đối gay gắt mối quan hệ hôn nhân này. Tại Việt Nam, hôn nhân đồng tính vẫn chưa được hợp pháp hóa và vấp phải nhiều luồng ý kiến trái chiều, có phản đối, có ủng hộ và có cả quan điểm trung lập (vừa phản đối vừa ủng hộ). Dựa trên các nguồn tài liệu thứ cấp, bài viết tổng quan một số quan điểm, cách nhìn nhận của xã hội về hôn nhân đồng tính ở Việt Nam trong 10 năm trở lại đây.

Từ khóa: Quan điểm xã hội, Đồng tính, Hôn nhân đồng tính, LGBT+, Việt Nam

Abstract: Same-sex marriage is a controversial topic worldwide, including Vietnam. As of early 2023, 34 countries have recognized same-sex marriage, the earliest being the Netherlands (2001) and most recently Andorra (February 2023). Apart from advocacy countries, some hold neutral views, and many others strongly condemn and oppose this marriage relationship. In Vietnam, same-sex marriage has not been legalized and there are several opposing opinions, some against, some for, and some with neutral views (both against and for). Based on secondary sources, the article provides a literature review of society's views on same-sex marriage in Vietnam in the past 10 years.

Keywords: Social Perspectives, Homosexuality, Same-sex Marriage, LGBT+, Vietnam

1. Mở đầu

Đồng tính là từ viết tắt của cụm từ đồng tính luyến ái (homosexuality) được dùng để chỉ việc bị hấp dẫn trên phương diện tình yêu hay tình dục hoặc việc yêu đương hay quan hệ tình dục giữa những người cùng giới tính với nhau trong hoàn cảnh nào đó hoặc một

cách lâu dài (Trương Hồng Quang, 2012). Những người đồng tính là một bộ phận thuộc cộng đồng LGBT+, trong đó, LGBT+ là cụm từ tiếng Anh viết tắt của đồng tính nữ (L-lesbian), đồng tính nam (G-gay), song tính (B- Bisexual, thích cả hai giới nam và nữ), chuyển giới (T-Transgender, người sinh ra có cảm nhận về tâm hồn thể xác trái ngược với giới tính sinh học của mình), dấu '+' được thêm vào cuối chữ viết tắt LGBT nhằm đại diện cho tất cả các danh tính khác

(*)^(*) ThS., NCVC., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: buihongxhh@gmail.com

trong cộng đồng LGBT (Dẫn theo: Nguyễn Thị Yến, 2021; Vương Mạnh, 2022). Đến nay, vẫn còn nhiều người chưa hiểu biết đầy đủ và chính xác về đồng tính luyến ái. Họ thường đồng nhất đồng tính với chuyển giới, mặc dù đây là những khái niệm hoàn toàn khác nhau. Mặt khác, theo một số nghiên cứu, thực chất của vấn đề đồng tính là ở thiên hướng tính dục. Tính dục đồng giới là một trong những xu hướng tính dục trong đó một người cảm nhận thấy sự hấp dẫn tính dục chủ yếu từ những người có cùng giới tính với mình. Chính vì thế, việc yêu và kết hôn giữa những người cùng giới tính cũng dựa trên xu hướng này (Phạm Quỳnh Phương, 2013).

Hôn nhân đồng tính (hôn nhân đồng giới) là hôn nhân giữa hai người có cùng xu hướng tính dục đồng giới, có thể là giữa hai người là đồng tính nam hoặc giữa hai người đồng tính nữ. Việc xây dựng tình cảm giữa họ cũng tuân theo quy luật tự nhiên là: từ cảm xúc giới tính ban đầu, đến tình yêu, sau đó tiến tới hôn nhân (Bùi Thị Phương Thảo, 2019: 25). 10 năm gần đây vấn đề hôn nhân đồng tính ở Việt Nam đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu không chỉ trên khía cạnh luật pháp liên quan đến quyền lợi của nhóm LGBT+, mà còn đặc biệt nhấn mạnh ở khía cạnh quan điểm, thái độ của cộng đồng xã hội về mối quan hệ hôn nhân này.

2. Vài nét về thực trạng hôn nhân đồng tính ở Việt Nam hiện nay

Hôn nhân đồng tính ngày càng trở nên phổ biến và được hợp pháp hóa tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, vấn đề hôn nhân đồng tính vẫn đang được xem xét, tranh luận sôi nổi và chưa chính thức được pháp luật thừa nhận.

Cộng đồng đồng tính là một nhóm thiểu số xã hội. Theo kết quả nghiên cứu

“Đánh giá tác động kinh tế của chính sách hôn nhân cùng giới tại Việt Nam” của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), công bố vào tháng 12/2021, tỷ lệ người đồng tính, song tính và chuyển giới tại Việt Nam chiếm từ 9% đến 11% dân số. Đến nay, cộng đồng này đang được nhìn nhận là những thành viên tự nhiên, bình đẳng và đầy đủ của xã hội (Tùng Thắng, 2022). Từ khía cạnh luật pháp, về vấn đề kết hôn đồng tính, năm 2012, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành tham vấn việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình và quyết định đưa nội dung hôn nhân đồng tính vào xem xét. Dự thảo đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét cho ý kiến trong năm 2013 và Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi năm 2014 đã bỏ điều cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và thay thế bằng Điều 8, khoản 2: Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính (Dẫn theo: Lưu Thị Thu Thủy và cộng sự, 2021). Việc này là nhằm hạn chế những cuộc tranh cãi gay gắt, dù vậy những người đồng tính vẫn có thể kết hôn nhưng sẽ không được pháp luật bảo vệ nếu có tranh chấp xảy ra. Thực tế, vẫn có nhiều cặp đôi đồng tính tổ chức hôn lễ, chung sống với nhau như vợ chồng, hành vi này cũng không bị xem là trái pháp luật. Đây là minh chứng cho kết quả của quá trình vận động và thảo luận xã hội trong suốt nhiều năm, đồng thời cũng là tín hiệu tích cực với những người muốn tiến tới hôn nhân đồng tính.

Cho đến nay, ở Việt Nam, vẫn chưa có con số thống kê chính xác về các cặp đồng tính kết hôn. Một số nghiên cứu mới chỉ đưa ra được số liệu thống kê về mối quan hệ gắn kết và sống chung của nhóm người LGBT+ nói chung, chủ yếu qua hình thức điều tra

trực tuyến. Cụ thể, kết quả nghiên cứu trực tuyến năm 2012 của iSEE với 2.483 thành viên thuộc cộng đồng LGBT tham gia trả lời cho thấy, gần 62% số người tham gia trả lời rằng họ đang trong mối quan hệ gắn kết với một người cùng giới tính. Thời gian của mối quan hệ này được ghi nhận khá lâu dài và ổn định (trên 2 năm). Cũng giống như việc tạo dựng và bắt đầu một cuộc hôn nhân không cùng giới tính, các cặp đôi đồng tính khi cân nhắc và đi đến quyết định sống chung đa phần là kết quả của mong muốn tạo dựng một không gian chung của hai người mà ở đó họ có thể mang lại sự chia sẻ về tinh thần, tình cảm và tạo dựng một cuộc sống gia đình. Tỷ lệ này ở người tham gia trả lời chiếm 87,5% (Nguyễn Thị Thu Nam và cộng sự, 2013: 24, 25).

Cùng đề cập đến hiện trạng những người đồng tính đang có mối quan hệ sống chung với nhau, một nghiên cứu khác của iSEE năm 2019 thông qua điều tra trực tuyến trên các diễn đàn dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam đã cho thấy tỷ lệ sống chung của các cặp đôi đồng tính là khá cao. Cụ thể, trong tổng số 5.999 người tham gia trả lời trực tuyến, có hơn một nửa (54,1%) cho biết họ đang trong một mối quan hệ cùng giới. Mối quan hệ này được hiểu là quan hệ với người bạn đời/người yêu mà người trả lời coi là nghiêm túc và lâu dài. Tỷ lệ này ở nhóm giới tính sinh học nữ chiếm 55,3%, cao hơn một chút so với nhóm giới tính sinh học nam (49,7%). Xét theo xu hướng tính dục, nhóm đồng tính có tỷ lệ đang trong mối quan hệ cùng giới cao nhất (chiếm 62%), tiếp đến là nhóm song tính (50,9%). Thời gian của mối quan hệ cùng giới thường kéo dài từ 1 đến 3 năm (44,4%), từ 4 đến 5 năm là 10,6% và một tỷ lệ nhỏ (1,3%) kéo dài hơn 10 năm. Cũng theo nghiên cứu

này, những người đang đi làm có xu hướng sống chung với người yêu cùng giới nhiều hơn những người là học sinh, sinh viên hay người thất nghiệp. Trong nhóm những người đang có việc làm và có người yêu cùng giới, có đến 35,7% hiện đang sống chung, trong khi ở nhóm học sinh/sinh viên hiện có người yêu cùng giới, tỷ lệ này là 20,3%. Những người di cư có tỷ lệ sống chung với người yêu cùng giới cao hơn so với những người không di cư. Cụ thể là, 33,1% nhóm di cư có người yêu cùng giới cho biết họ đang sống chung, trong khi tỷ lệ này ở nhóm không di cư là 22,8% (Vũ Thành Long và cộng sự, 2019: 23).

Sự nở rộ của các đám cưới đồng tính vài năm trở lại đây ở Việt Nam đã cho thấy kết quả bước đầu của những thay đổi mang tính lịch sử trong Luật Hôn nhân và gia đình. Đám cưới đồng tính đầu tiên là của một cặp đôi đồng tính nam ở thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07/4/1997. Mặc dù có điều luật cấm nhưng việc đi đến kết hôn và tổ chức đám cưới của nhiều cặp đôi đồng tính vào cuối những năm 1990 đã cho thấy những bước tiến rõ rệt trong việc công khai tình cảm, hôn nhân của các cặp đôi đồng tính ở Việt Nam. Từ đầu năm 2012 đến nay, những đám cưới đồng tính có phần công khai hơn và nhận được sự ủng hộ của gia đình. Gần đây, ngày 03/3/2023, là đám cưới của cặp đôi đồng tính nữ tại Nghệ An. Hôn lễ nhận được sự ủng hộ, tham gia của rất nhiều bạn bè, người thân hai bên gia đình (Huệ Anh, 2012; Hoài Trang, 2012; Nguyễn Duy, 2023).

Như vậy, có thể thấy rằng, mặc dù hôn nhân đồng tính chưa chính thức được hợp pháp hóa tại Việt Nam, nhưng với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các cặp đôi đồng tính ở Việt Nam đã có xu hướng công khai, cởi mở

hơn và đi đến quyết định về chung một nhà thông qua việc tổ chức hôn lễ ở nhiều nơi.

3. Quan điểm ủng hộ hôn nhân đồng tính

Những năm gần đây, với sự cổ vũ của phong trào LGBT+ trên thế giới, phong trào LGBT+ ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ hơn, cộng đồng này được nhắc đến nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông đại chúng và trở thành đối tượng khảo sát trong một số chương trình nghiên cứu và dự án can thiệp của các tổ chức phi chính phủ. Xã hội Việt Nam ngày càng cởi mở hơn trong cách nhìn nhận, đánh giá về người đồng tính nói riêng và cộng đồng LGBT+ nói chung cũng như vấn đề hôn nhân của các cặp đôi này.

Nhằm tìm hiểu về những quan điểm đa chiều trong xã hội về hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính, iSEE đã thực hiện một nghiên cứu định tính tại hai địa bàn là thành phố Hồ Chí Minh (từ ngày 12-15/9/2019) và Hà Nội (từ ngày 10-30/10/2019) bằng phương pháp thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu. Số người tham gia cung cấp thông tin là 36 người, trong đó 13 người là nam (tương đương 36%) và 23 người là nữ (tương đương 64%), phần lớn ở độ tuổi từ 18-35 tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thái độ đối với hôn nhân đồng tính của những người tham gia nghiên cứu này dao động từ mức 2 đến mức 4 trong thang 5 điểm: 1) hoàn toàn phản đối, 2) phần nào phản đối, 3) trung lập, 4) phần nào ủng hộ, 5) hoàn toàn ủng hộ. Những người có quan điểm nghiêng về phía ủng hộ quyền được Nhà nước công nhận hôn nhân của những cặp đôi đồng tính có điểm chung là những người được tiếp cận thông tin đúng đắn về người đồng tính luyến ái nói riêng và cộng đồng LGBT nói chung. Nhờ đó, họ không có thái độ kỳ thị mà thể hiện thái độ thông cảm với những khó khăn mà các cặp đôi đồng tính gặp phải

trong cuộc sống. Các kênh thông tin mà họ được tiếp cận khá phong phú: từ chia sẻ của người thân, bạn bè cho đến chuyên mục giáo dục giới tính trên báo chí, các chương trình truyền hình, thông tin trên mạng xã hội. Nhìn chung, họ là những người có thái độ cởi mở, khoan dung và đề cao giá trị của tình yêu thương và sự tôn trọng. Lý do khiến nhóm này ủng hộ là các cặp đôi đồng tính nên có quyền được thừa nhận hôn nhân bình đẳng như những người khác, việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính sẽ đảm bảo các quyền trong các vấn đề liên quan như ly hôn, hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính sẽ giúp các cặp đôi đồng tính được gia đình và xã hội chấp nhận, từ đó giúp họ có cuộc sống tích cực và đóng góp cho xã hội nhiều hơn (iSEE, 2019).

Hôn nhân đồng tính nhận được sự ủng hộ lớn từ bộ phận giới trẻ hiện nay. Cuộc khảo sát về nhận thức xã hội của giới trẻ hiện nay với hôn nhân đồng giới và chuyển đổi giới tính tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2016 với 301 mẫu (190 phiếu được thực hiện bằng hình thức trực tuyến qua công cụ của google và 111 phiếu được phát trực tiếp) cho kết quả, tỷ lệ ủng hộ của giới trẻ đối với mối quan hệ hôn nhân đồng tính là khá cao. Tỷ lệ giới trẻ nhận định rằng hiện nay Việt Nam phù hợp để công nhận hôn nhân đồng tính chiếm 35,6%. Nhóm cho rằng phù hợp thuộc giới tính nữ từ 15-20 tuổi, là học sinh, có quan tâm đến vấn đề hôn nhân đồng tính. Họ có cái nhìn khá cởi mở và lạc quan về vấn đề hôn nhân đồng tính. Lý do họ đưa ra là hôn nhân đồng tính là quyền tự do và công bằng của con người (89,7%), giới tính thuộc về tự nhiên và vì thế không thể ngăn cản (84,5%) (Dẫn theo: Nguyễn Thị Hiền, 2016).

Tương tự, một nghiên cứu khác của Nguyễn Đức Tuyển năm 2021 đề cập đến

quan niệm của sinh viên về quyền của người đồng tính hiện nay với 152 mẫu định lượng (70 sinh viên nam, 43 sinh viên nữ và 9 sinh viên đồng tính) và 10 mẫu định tính (2 sinh viên đồng tính, 4 sinh viên nam, 4 sinh viên nữ) ở Hà Nội đã phản ánh cái nhìn cởi mở hơn của sinh viên đối với người đồng tính và quyền hôn nhân của nhóm người này. Cụ thể, hầu hết sinh viên (91%) đồng ý với ý kiến rằng luật pháp nên công nhận hôn nhân đồng tính (trong đó: 46,9% đồng ý với phương án “công nhận, cấp giấy đăng ký hôn nhân như bình thường” và 44,1% đồng ý với phương án “Công nhận, cấp giấy đăng ký riêng cho người đồng tính”).

Nhìn chung, thông qua các kết quả nghiên cứu có thể thấy, sự ủng hộ của xã hội đối với hôn nhân đồng tính hiện nay đã lớn hơn nhiều so với trước đây. Người dân ngày càng cởi mở hơn đối với người đồng tính và vấn đề hôn nhân đồng tính.

4. Quan điểm phản đối hôn nhân đồng tính

Bên cạnh các quan điểm ủng hộ hôn nhân đồng tính, tỷ lệ phản đối vẫn khá cao, thậm chí có không ít những quan điểm lên án, phản đối gay gắt. Các quan điểm phản đối chủ yếu dựa trên nguyên tắc bảo vệ giá trị truyền thống của gia đình Việt Nam. Những người theo quan điểm này cho rằng, bên cạnh những người đồng tính bẩm sinh thì trong xã hội còn có nhiều người do ảnh hưởng của sự a dua, đua đòi, họ muốn theo trào lưu, muốn sống thử với cảm giác mới dẫn đến tình trạng sống như vợ chồng của các cặp đôi đồng tính ngày càng phổ biến ở khắp các vùng miền. Vì vậy, để đảm bảo trật tự xã hội, giữ gìn truyền thống gia đình, pháp luật không nên cho phép kết hôn giữa những người đồng tính. Hơn nữa, về vai trò và chức năng xã hội, việc kết hôn đồng tính được nhìn nhận là một nguy cơ đe dọa hôn nhân dị tính “truyền thống”, với niềm

tin rằng người dị tính có thể muốn biến thành đồng tính để tránh mâu thuẫn trong hôn nhân dị tính. Cặp đôi đồng tính cũng bị cho là không làm tròn các chức năng cơ bản của gia đình như sinh con và nuôi dạy con. Niềm tin rằng trẻ em cần cả cha và mẹ để phát triển toàn diện cho thấy đồng tính bị chối bỏ ở Việt Nam do văn hóa chú trọng vai trò giới, thuyết nhị nguyên về âm - dương (iSEE, 2019).

Theo nghiên cứu “Sống chung cùng giới, trải nghiệm thực tế và mưu cầu hạnh phúc lứa đôi” do iSEE thực hiện năm 2012 với 2.483 người trả lời trực tuyến, số liệu định lượng chỉ ra rằng những người bày tỏ ý kiến lo ngại đối với hôn nhân đồng tính ở Việt Nam chiếm tỷ lệ khá cao: sự kỳ thị xã hội sẽ còn tiếp tục tiếp diễn (87%), người LGBT có thể trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình hoặc bạo lực học đường (87,8%), không dám bộc lộ xu hướng tình dục (95,5%), kéo theo nhiều người kết hôn dị tính giả (89%), không được đảm bảo quyền yêu thương và kết hôn (94%), không được đảm bảo sức khỏe tinh thần (93,9%), và không có được đời sống và sức khỏe tình dục viên mãn (92,5%) (Dẫn theo: Nguyễn Thị Thu Nam và cộng sự, 2013).

Kết quả nghiên cứu “Quan điểm xã hội về hôn nhân đồng tính” do iSEE thực hiện năm 2019 tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh bằng phương pháp thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu với số người tham gia cung cấp thông tin là 36 người cũng cho thấy, vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ người dân phản đối hôn nhân đồng tính. Những người phản đối bày tỏ lo ngại nếu Nhà nước hợp pháp hóa quyền kết hôn cho các cặp đôi đồng tính sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy xã hội. Có khoảng 40% người trả lời bày tỏ lo ngại về việc giới trẻ sẽ bị ảnh hưởng dẫn đến “lệch lạc” hoặc “ngộ nhận” về xu

hướng tính dục. 75% người trả lời tỏ ra lo ngại rằng hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính ở thời điểm hiện tại có thể gây ra các xung đột xã hội. 25% cho rằng, vấn đề hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính có thể ảnh hưởng tới tỷ lệ sinh sản của đất nước (iSEE, 2019).

Mặc dù giới trẻ hiện nay đã có cái nhìn cởi mở hơn đối với người đồng tính và hôn nhân đồng tính, song bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ giới trẻ lên án, phản đối mối quan hệ hôn nhân này. Cụ thể, trong nghiên cứu về dư luận xã hội của sinh viên về vấn đề đồng tính tại 2 trường cao đẳng ở tỉnh Đắk Lắk năm 2016 với mẫu nghiên cứu là 200 sinh viên, kết quả cho thấy, vẫn còn 47,4% nam sinh viên và 29,1% nữ sinh viên phản đối hôn nhân đồng tính. Nhóm sinh viên theo tôn giáo có tỷ lệ phản đối cao (chiếm 35%), nhóm sinh viên đến từ nông thôn có thái độ phản đối gay gắt hơn so với nhóm sinh viên đến từ thành thị (42,6% so với 32,6%) (Dẫn theo: Trần Thảo Vy, 2016).

Rào cản đối với các cặp đôi đồng tính chính là sự kỳ thị, sự mặc cảm do những nhận xét, những “lời ra tiếng vào” hoặc những bình luận “ném đá” thể hiện trên không gian mạng. Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc 40 công nhân LGBT tại khu công nghiệp quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 cho thấy, những người đồng tính bị cản trở, thậm chí bị ngăn cấm trong đời sống tình cảm, cụ thể là tình yêu đồng giới. Có 32/40 trường hợp, tương đương với 80% công nhân là người đồng tính xác định họ và thành viên cộng đồng LGBT chọn cách che đậy các mối quan hệ về bạn tình và tình yêu đồng giới trước dư luận xã hội, sức ép của gia đình, dòng họ và người thân (Dẫn theo: Huỳnh Văn Chấn và cộng sự, 2021: 126).

Qua đó có thể thấy, sự kỳ thị, phản đối của xã hội đối với hôn nhân đồng tính vẫn khá phổ biến. Lý do của sự phản đối này liên quan nhiều đến hệ giá trị như hôn nhân đồng tính không đảm bảo được chức năng sinh sản, duy trì nòi giống, hay do lối sống a dua, thích cảm giác mới lạ, giới trẻ có thể bị ngộ nhận về giới tính...

5. Quan điểm trung lập về hôn nhân đồng tính

Ngoài những quan điểm ủng hộ và phản đối hôn nhân đồng tính, quan điểm trung lập (vừa ủng hộ và vừa phản bác) vẫn còn tồn tại. Mặc dù sự lựa chọn quan điểm này chưa nhiều và chưa được thể hiện rõ trong các nghiên cứu, song chính sự mập mờ trong lựa chọn giữa đồng ý và phản đối của người trả lời khiến quan điểm trung lập này vẫn có chỗ đứng. Tâm lý việc ai nấy lo, không để tâm đến các vấn đề xã hội là một trong những lý do khiến nhiều người có quan điểm trung lập với hôn nhân đồng tính. Họ cho rằng, việc các cặp đôi đồng tính có được hợp pháp hóa hôn nhân hay không cũng không có ảnh hưởng lớn tới bản thân họ nên họ thường ít lên tiếng chính thức phản đối hay ủng hộ. Theo kết quả trưng cầu ý kiến người dân về hôn nhân đồng tính được triển khai trên địa bàn 68 xã/phường thuộc 8 tỉnh/thành phố với số mẫu 5.303, được thực hiện bởi ba đơn vị là Viện Xã hội học ((IOS) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Chiến lược và Chính sách Y tế (HSPI), iSEE cho thấy, phần lớn người dân có quan điểm rằng, việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới không ảnh hưởng đến gia đình (72,7%) hay cá nhân (63,2%) họ. Những người có trình độ học vấn cao cũng khẳng định, hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới không ảnh hưởng đến gia đình và cá nhân họ (IOS, HSPI, iSEE, 2013: 8)

Theo kết quả nghiên cứu định tính của iSEE (2019) (đã đề cập ở trên), vẫn còn gần 1/3 số người tham gia nghiên cứu có quan điểm trung lập với hôn nhân đồng tính. Diễn giải về điều này, họ cho rằng, vấn đề có ủng hộ hôn nhân đồng tính hay không ít có liên quan đến bản thân họ. Theo họ, kết hôn là quyền của mỗi cá nhân, do vậy, hôn nhân đồng tính là vấn đề mà các cặp đôi đồng tính phải tự lên tiếng giải quyết (iSEE, 2019).

Có thể thấy rằng, hiện nay vẫn có những quan điểm trung lập về hôn nhân đồng tính. Tuy nhiên, sự lựa chọn của những quan điểm này vẫn còn mập mờ, nửa muốn công khai nửa không. Những người lựa chọn quan điểm cho rằng, họ không cần thiết phải lên tiếng bởi dù có làm hay không điều đó cũng không có ý nghĩa gì với bản thân họ.

6. Kết luận

Nhìn chung, việc công nhận hôn nhân đồng tính hay không vẫn là chủ đề gây nhiều tranh cãi ở Việt Nam hiện nay. Thông qua các kết quả nghiên cứu về vấn đề này, chúng tôi nhận thấy rằng, những người ủng hộ cho rằng việc công nhận hôn nhân đồng tính là thể hiện sự bình đẳng và đảm bảo quyền con người, và việc công nhận hôn nhân đồng tính mang lại nhiều lợi ích cho xã hội. Ngược lại, những người phản đối hôn nhân đồng tính thì lo ngại những hệ lụy mà nó có thể gây ra cho xã hội, họ cho rằng kiểu gia đình này có những khiếm khuyết như hôn nhân đồng tính thường không bền vững, không có khả năng duy trì nòi giống, làm sụt giảm giá trị của hôn nhân trong văn hóa xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của những cha mẹ đơn thân... Những người có quan điểm trung lập chỉ chiếm một bộ phận rất nhỏ. Tuy nhiên, có thể thấy, sự ủng hộ

của xã hội đối với việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới ở Việt Nam hiện nay có xu hướng ngày càng lớn. Nếu như trước đây, người đồng tính và các cặp đôi đồng tính thường bị kỳ thị, xa lánh thì đến nay họ đã được xã hội nhìn nhận với thái độ cởi mở hơn, bao dung hơn và các đám cưới đồng tính cũng diễn ra ngày càng nhiều hơn. Điều này cho thấy bước tiến mới trong quan niệm của người dân về cộng đồng đồng tính và các vấn đề của họ □

Tài liệu tham khảo

1. Huệ Anh (2012), “Đám cưới đồng tính gây ‘bão’ dư luận”, Báo điện tử *Pháp luật và Xã hội* ngày 15/12/2012, <https://phapluatxahoi.kinhtedothi.vn/dam-cuoi-dong-tinh-gay-bao-du-luan-71041.html>
2. Huỳnh Văn Chân và cộng sự (Chủ biên, 2021), *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Công tác xã hội với người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) - Thành tựu quốc tế và bài học cho Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Duy (2023), “Xôn xao đám cưới của cặp đôi đồng tính ở miền tây xứ Nghệ”, Báo điện tử *Dân trí* ngày 03/3/2023, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/xon-xao-dam-cuoi-cua-cap-doi-dong-tinh-o-mien-tay-xu-nghe-2023-0303133416027.htm>
4. Nguyễn Thị Hiền (2016), “Nhận thức xã hội của giới trẻ hiện nay với hôn nhân đồng giới và chuyển đổi giới tính (Nghiên cứu trường hợp tại Tp. Hồ Chí Minh)”, Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
5. IOS, HSPI, iSEE (2013), *Báo cáo nghiên cứu: Kết quả trưng cầu ý kiến*

- người dân về hôn nhân cùng giới, <http://www.thuvien.lgbt/nghiencuu>
6. iSEE (2019), *Báo cáo nghiên cứu: Quan điểm xã hội về hôn nhân đồng giới (Nghiên cứu định tính tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh)*, <http://www.thuvien.lgbt/nghiencuu>
 7. Song Kiều (2023), *Vụ kiện Windsor: Cột mốc quan trọng của hôn nhân đồng giới*, Trang tin điện tử Phụ nữ Việt Nam ngày 01/4/2023, <https://phunuvietnam.vn/vu-kien-windsor-cot-moc-quan-trong-cua-hon-nhan-dong-gioi-20230401215515047.htm>
 8. Vũ Thành Long, Đỗ Quỳnh An, Chu Lan Anh - iSEE (2019), *Báo cáo nghiên cứu: “Sống chung cùng giới: Tình yêu và quan hệ chung sống của người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam”*, <http://www.thuvien.lgbt/nghiencuu>
 9. Vương Mạnh (2022), “Nên dùng từ nào để nói về cộng đồng LGBT: Queer, LGBTQIA, LGBTQ, LGBT+ hay LGBT”, Trang tin điện tử *Netbiz* ngày 15/3/2022, <https://netbiz.net.vn/nen-dung-tu-nao-de-noi-ve-cong-dong-lgbt-queer-lgbtqia-lgbtq-lgbt-hay-lgbt-978.html>
 10. Nguyễn Thị Thu Nam, Vũ Thành Long, Phạm Thanh Trà (2013), *Sống chung cùng giới - Trải nghiệm thực tế và mưu cầu hạnh phúc lứa đôi*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
 11. Phạm Quỳnh Phương (Chủ biên, 2013), *Người đồng tính, song tính và chuyển giới ở Việt Nam - Tổng luận các nghiên cứu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
 12. Trương Hồng Quang (2012), “Nhận thức về người đồng tính và quyền của người đồng tính”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 3, tr. 25-35, 44.
 13. Bùi Thị Phương Thảo (2019), “Hôn nhân đồng tính dưới góc độ quyền con người”, Khóa luận tốt nghiệp ngành *Luật học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 14. Từ Thắng (2022), “Hôn nhân đồng giới tác động thế nào tới xu hướng kết hôn?”, Báo điện tử *Thanh niên* ngày 22/9/2022, <https://thanhnien.vn/hon-nhan-dong-gioi-tac-dong-the-nao-den-xu-huong-ket-hon-post1502582.html>
 15. Lưu Thị Thu Thủy, Bùi Thị Hồng, Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2021), “Hôn nhân đồng tính ở Nhật Bản - Một vài liên hệ với Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, quyển 31, số 1, tr. 122-133.
 16. Hoài Trang (2012), “Đám cưới cô tích của cặp đôi đồng tính nam ở Tây Ninh sau 11 năm quen nhau”, Báo điện tử *Dân trí* ngày 05/01/2022, <https://dantri.com.vn/doi-song/dam-cuoi-co-tich-cua-cap-doi-dong-tinh-nam-o-tay-ninh-sau-11-nam-quen-nhau-20220104182603186.htm>
 17. Nguyễn Đức Tuyền (2021), “Quan niệm của sinh viên về quyền bình đẳng, hôn nhân và nuôi con của người đồng tính (Nghiên cứu trường hợp sinh viên một trường đại học ở Hà Nội)”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Quyển 31, số 1, tr. 100-111.
 18. Trần Thảo Vy (2016), *Dự luận xã hội của sinh viên về vấn đề đồng tính (Nghiên cứu trường hợp trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk và trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk)*, Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
 19. Nguyễn Thị Yên (2021), “Pháp luật Việt Nam về người đồng tính - Một số vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nghề Luật*, số 6, tr. 22-26.